

Chương 4

Thêm Nhiều Câu Hỏi & Trả Lời

Đây là những câu hỏi mà rất nhiều Phật tử cũng như những người không theo đạo Phật lại thường hay hỏi. Những câu hỏi này được thống kê là thường được hỏi bởi những người thế hệ hiện đại sau này, đặc biệt là ở những nước phương Tây.

Sự thật, những câu hỏi này là do những Phật tử thường không tìm thấy câu trả lời trong các kinh sách Phật giáo; hoặc những câu hỏi thuộc những vấn đề xã hội trong thời hiện đại mà một người chuẩn bị theo đạo Phật hay quan tâm.

Sau đây là ví dụ về một số đề tài mà nhiều người ngày nay thường hay hỏi:

Nghiệp Tái Sinh và Những Khác Biệt Của Mỗi Người Khi Được Sinh Ra?

Phật giáo và Khoa Học Hiện Đại Có Mâu Thuẫn Nhau?

Phật giáo và Những Thần Thoại?

“Thiền Tập” Có Tạo Ra Những Tâm Niệm Xấu Như Một Số Người Bàn Tán?

Đức Phật và Năng Lực Thần Thông

Vấn Đề Đồng Tính Luyến Ái Theo Quan Điểm Đạo Phật?

Hút Thuốc Lá và Quan Điểm của Đạo Phật

Tham Vọng và Sự Bằng Lòng

Việc Ăn Chay và Thức Ăn Chay Giả Mặn

Những Cảnh Giới và Cõi Sống Khác Nhau

Những Người Ở Các Nước Âu Mỹ Cũng Theo Phật giáo?

.....

(1) Có phải Nghiệp giải thích tại sao có quá nhiều sự khác biệt giữa mọi người xung quanh ta?

Mọi người luôn luôn thắc mắc vì sao mọi người luôn khác nhau khi sinh ra, vậy đâu là lẽ công bằng trong cuộc sống? Tại sao mọi người sinh ra không giống nhau, không đồng đẳng với nhau? **(Phụ Lục 15)**

Người đời thường ca thán và phân bua với những câu hỏi như tại sao một người sinh ra khỏe mạnh, người khác lại sinh ra ốm yếu? Tại sao có người lại sống vui sướng hay có tuổi thọ rất cao, trong khi người khác thì sống khổ cực hay chết yểu vì tai nạn?

Những người theo Phật không tin những điều trên là do sự sắp xếp của một đấng tạo hóa siêu nhiên. Phật giáo tin rằng những sự việc xảy ra cho mỗi người chính là do Nghiệp và quy luật Nhân-Quả chi phối một cách tự nhiên. Chính vì mọi người đã tạo những Nghiệp khác nhau, nên mọi người khác nhau rất nhiều từ khi sinh ra cho đến khi sống trong kiếp sống này.

Đức Phật đã tìm ra quy luật Nghiệp hoạt động theo nguyên lý nhân-quả. Tức là mọi sự việc xảy ra trong đời chúng ta đều là do tác động của những hành động tạo nghiệp trước đó, có thể trước đó vài giây, vài giờ, vài ngày, vài năm, vài chục năm hay là từ kiếp trước. Đến khi gặp đủ điều kiện (duyên) thì Nghiệp quả xảy ra. Trên thế gian, mọi sự đều có nguyên nhân của nó!.

Vì cách đây vài phút anh chạy xe ngược chiều, nên bây giờ anh đang bị tạm giam bởi cảnh sát. Cũng có thể vì cách đây vài chục năm anh đã tông chết người rồi bỏ chạy, nên ngày hôm nay anh đang bị cảnh sát bắt giam vì họ mới điều tra ra anh. Nghiệp anh gây ra, thì bây giờ anh nhận lãnh hậu

quả. Đó là quy luật Nghiệp. Vì anh gây ra những hành động đó, nên tác động của nó dẫn đến hậu quả là đang bị giam lúc này. Đó là nguyên tắc của quy luật nhân-quả.

Đức Phật đã nêu ra những ví dụ theo quy tắc nhân-quả về Nghiệp và Nghiệp quả. Nhưng Đức Phật cũng khuyên không nên truy tìm Nghiệp quá khứ, vì có những Nghiệp có thể thấy được (nhân tiền) và có những Nghiệp có thể không thấy được. Vì sao? Vì Nghiệp thì trùng trùng, quá nhiều, bởi vì mỗi một giây trong quá khứ hay trong hiện tại chúng ta suy nghĩ, chúng ta hành động, chúng ta nói ra bao nhiêu điều gì thì tạo ra chừng ấy Nghiệp. Vì vậy Đức Phật đã nói: *“Nghiệp là một trong những vấn đề không thể nghĩ bàn”*.

Vậy chúng ta phải làm sao? Một khi Nghiệp của chúng ta là “không thể nghĩ bàn”? Câu trả lời là: chúng ta chỉ nên biết trong cuộc sống hiện-tại chúng ta hãy cố gắng làm toàn những điều tốt đẹp, tạo toàn những Nghiệp tốt lành. *Hãy làm người tốt!* để có những hậu quả tốt lành, để có được cuộc sống tốt lành trong hiện tại và tương lai, theo quy luật của Nghiệp và nguyên lý nhân quả.

(2) Nếu chúng ta không thể nhớ gì về những kiếp quá khứ, thì tại sao trong kiếp sống này chúng ta phải chịu nhận lãnh những điều sai trái mà chúng ta đã làm trong quá khứ? Như vậy có công bằng không?

Chúng ta phải luôn ghi nhớ rằng Nghiệp (*kamma*) không phải là một hệ thống thưởng phạt. Đơn giản Nghiệp là một nguyên lý tự nhiên, những hành động cố ý của chúng ta (nguyên nhân) sẽ tạo ra những tác động (kết quả) nào đó trong những điều kiện (duyên) nào đó.

Một người uống rượu say, bước đi và té ngã xuống mương nước. Bị gãy chân. Cho dù ngày sau đó anh ta không nhớ gì về việc mình bị té, bị thương như thế nào, nhưng anh ta vẫn phải chịu hậu-quả là gãy chân, đau đớn... vì hành động uống rượu, té ngã của mình.

Cũng giống như ví dụ trước đây. Nghiệp cũng giống như hạt giống. Nếu bạn trồng giống cây táo, thì nó sẽ lớn lên là cây táo. Nếu bạn gieo hạt xoài, thì nó sẽ lớn lên là cây xoài. Đó chỉ là nguyên lý của quy luật Nhân và Quả.

Vì vậy, “sự công bằng” và “sự không nhớ” trong câu hỏi trên đây không phải là những yếu tố của Nghiệp. Quy luật Nghiệp theo nguyên tắc nhân-quả thể hiện cho tất cả mọi con người và sự vật.

(3) Nếu có tái sinh, tại sao con người không nhớ lại được kiếp sống quá khứ của mình?

Đây là một câu hỏi hay, tuy nhiên câu trả lời cũng thật là đơn giản. Những trí nhớ hay ký ức về kiếp sống quá khứ của chúng ta nằm rất sâu trong tầng thức (vô thức) của chúng ta. Trong khi bản thân chúng ta thường không thể nhớ nổi những gì mình đã làm trong ngày này của tháng trước, bởi vì tâm của chúng ta không được trong sạch, không được tu dưỡng và tĩnh lặng. Đầu óc của chúng ta không bao giờ đủ minh mẫn để nhớ, mặc dù chúng ta hay dùng từ ‘minh mẫn’ để chỉ sự sáng suốt và thông minh của chúng ta.

Ví dụ lặp lại là: rất ít trong chúng ta có thể nhớ chính xác những gì mình đã làm vào cùng ngày của tháng trước. Tuy nhiên, những nghiên cứu khoa học cho thấy rõ ràng, trẻ em

với bản tâm vẫn còn trong sạch và ít vẫn đục có thể nhớ được rất nhiều, thậm chí một số có thể nhớ kiếp trước của mình.

Nếu bạn nghĩ được như vậy thì bạn sẽ hiểu tại sao có rất nhiều đứa trẻ chưa bao giờ nghe nhạc, nhưng sau khi lọt lòng một thời gian đã trở thành thần đồng về âm nhạc. Có những đứa trẻ chưa bao giờ học môn toán cao cấp đó, nhưng vẫn giải được những bài toán đó. Đó là thức nhớ lại kiếp sống quá khứ theo Nghiệp dẫn tái sinh. Hai đứa trẻ có thể là một nhạc sư và một giáo sư trong kiếp quá khứ.

Những nhà bác học phương Tây thường dùng phương pháp thôi miên để trị liệu tâm lý cho rất nhiều bệnh nhân và nhiều bệnh nhân đã có thể hồi nhớ lại những kiếp trước của mình trong quá trình thôi miên, khi tâm không bị can thiệp bằng những đối tượng trần cảnh bên ngoài.

Tương tự vậy, nhiều thiền sư có tâm được tu dưỡng nhờ vào việc thiền tập đến mức độ đạt định thâm cao được cho là cũng có khả năng hồi tưởng lại kiếp sống quá khứ. Người nổi bật nhất có khả năng này bằng quá trình hành thiền chính là Đức Phật. Đức Phật có thể nhớ và thấy lại tất cả kiếp sống trong quá khứ của mình và của người khác, khi tâm đã hoàn toàn trong sạch và không còn bất kỳ ô nhiễm nào.

Vì vậy, câu hỏi này được đặt ra thì đã như câu trả lời. Vì sao? Vì muốn tập trung, muốn nhớ thì tâm trí chúng ta phải trong sạch, thanh tịnh. Tâm chúng ta bị vô minh che mờ, bị cảnh trần và “tham sân si” vẫn đục che lấp, bị những vấn đề “cơm áo gạo tiền” hàng ngày làm rối trí. Thậm chí đa số trong chúng ta còn chưa bao giờ dành thời gian để nghĩ đến

những điều thiện tốt, chưa một lần ngồi xuống để tâm an nghỉ và hành thiện.

(4) Nếu chúng ta không thể biết gì về kiếp sau, vậy cần gì phải lo lắng về nó?

Người Anh nói: “Ngày mai không bao giờ đến”. Thật vậy, cái “ngày mai” làm sao ai biết được chắc chắn nó sẽ chính xác như thế nào. Cho dù những dự tính và hoạch định, và quy luật Nghiệp là có thể dự đoán được phần nào, nhưng không ai trong chúng ta biết được chính xác điều gì sẽ xảy ra cho “ngày mai” đó, vì còn rất nhiều điều kiện (duyên) tác động đến.

Tuy nhiên, hoạch định để phòng tránh cho một “ngày mai” khả dĩ như vậy là điều mang tính “trách nhiệm” cần phải làm. Chúng ta không thể cứ ngồi nhìn coi ngày mai sẽ ra sao. Đó là thái độ hơi ích kỷ, vô tâm và thiếu trách nhiệm.

Cứ giống như những bậc cha mẹ ích kỷ, tiêu xài tất cả những gì có được mà không hề nghĩ đến việc để lại một chút gì cho ngày mai của những đứa con thơ dại. Họ không cần biết ngày mai của những đứa trẻ sẽ như thế nào. Cha mẹ có trách nhiệm thường làm mọi cách để chuẩn bị cho tương lai tốt đẹp nhất có thể cho con mình, cho dù họ có thể không còn sống đến lúc đó để chứng kiến tương lai của con mình có giống như mình hoạch định hay không. ***Chúng ta cũng cần phải nghĩ về tương lai và về kiếp sau của chúng ta theo cách nghĩ như vậy.***

Những kinh điển Phật giáo có ghi lại chuyện những chúng sinh ở cõi Trời, và cả một số chúng sinh bị tái sinh

vào cõi thấp xấu, họ có khả năng nhớ lại những kiếp quá khứ của mình, nhớ lại những hành động họ đã làm, những Nghiệp họ đã tạo ra và “chính những Nghiệp đó đã dẫn dắt họ đến những cảnh tái sinh đó”. Điều đó là một trong những dấu hiệu có ý nghĩa động viên chúng ta hãy tích cực cố gắng làm những điều tốt nhất có thể trong kiếp sống hiện tại!

Phật giáo khuyên mọi người hãy làm điều tốt nhất, “*Hãy làm người tốt!*”, để mang lại kết quả tốt nhất cho kiếp sống tiếp theo, cho dù ở kiếp sau chúng ta có thể không biết rằng hậu-quả tốt đẹp của kiếp sau là do kiếp này tạo tác mà thành. Việc có biết hay không biết về kiếp sống quá khứ hay kiếp sống tương lai không giải quyết vấn đề ở đây. **(Phụ Lục 16)**

Vấn đề là ý thức trách nhiệm của chúng ta. Cũng như chúng ta không cần phải được biết rõ con cái chúng ta sẽ sung sướng hay khổ sở ra sao trong tương lai thì chúng ta mới hoạch định và lo lắng cho tương lai của chúng. Chúng ta phải làm vì trách nhiệm và vì mọi sự “tốt đẹp hơn” cho tương lai.

Vì ý nghĩa cứu cánh theo lý nhân-quả này có thể làm an ủi lòng người hiện tại như vậy, nên những người theo Phật thường hay nói với nhau rằng: “*Nếu bạn muốn biết kiếp sống trước đây của mình, hãy nhìn vào kiếp này của bạn. Nếu bạn muốn biết kiếp sau của mình, hãy nhìn vào kiếp này của bạn*”.

Kiếp này là kết quả của những gì trong kiếp trước bạn đã làm. Kiếp sau là kết quả của những gì bạn đã làm trong kiếp này.

Hiện tại là con của quá khứ và là mẹ của tương lai. Nếu có những bậc cha mẹ tốt trong hiện tại thì có thể có một đời sống tinh thần và vật chất phúc lành cho con cái trong tương lai. Đời sống của chính chúng ta ở kiếp nào, ở giây phút nào, ở nơi đâu cũng mang bản chất tương tự như vậy.

(5) Có bằng chứng khoa học nào chứng tỏ có sự tái sinh?

Có rất nhiều trường hợp nghiên cứu đã chứng minh nhiều người lớn và trẻ em đã nhớ lại kiếp trước của mình. Cũng có rất nhiều trường hợp, tuy không thông qua nghiên cứu khoa học, nhưng mang tính giai thoại, được thuật lại bởi rất nhiều người và nguồn tin đáng tôn trọng ở những nước phương Đông.

Phương Đông và phương Tây ngày nay vẫn liên tục nghiên cứu về sự hồi nhớ kiếp quá khứ—Đó là bằng chứng chứng minh có sự “tái sinh”.

Ví dụ, **Carol Bowman**, người chủ xưởng một trung tâm khoa học và diễn đàn rất lớn mang tên “Trung Tâm Nghiên Cứu Tiền Kiếp Ở Trẻ Em” (www.childpastlives.org) đã viết một quyển sách về nhiều đứa trẻ đã có khả năng nhớ lại kiếp quá khứ của mình. Đó không phải là những quyển sách về đề tài tôn giáo hay tâm linh, mà là sách về nghiên cứu khoa học, dựa vào những công trình nghiên cứu công phu trên hàng trăm đứa trẻ.

Giáo sư **Ian Stevenson** là giám đốc Khoa Nghiên Cứu Cảm Nhận ở đại học University of Virginia, Hoa Kỳ đã thực hiện rất nhiều nghiên cứu hàn lâm và khoa học hơn 3.000 người có khả năng nhớ lại kiếp trước của mình. (www.medicine.virginia.edu/clinical)

Một số những nhà khoa học rất nổi tiếng trong việc nghiên cứu đề tài con người hồi nhớ lại tiền kiếp mà bạn có thể tham khảo như là:

Tiến sĩ Jim Tucker

(www.enlightennext.org/magazine/bios/jim-tucker)

Tiến sĩ Raymond Moody (www.lifeafterlife.com),

Thomas Shroder (www.books.simonandschuster.com).

Đó là những công trình nghiên cứu đầy thú vị và những bằng chứng đầy thuyết phục mà ai cũng nên quan tâm. Hàng ngàn kết quả hiện đại và khoa học như vậy, chứ chưa cần tính hàng ngàn hiện tượng được chứng kiến được ở những xứ sở khác, đã chứng minh sự có-thật của những kiếp sống trước của những người đang sống trong hiện tại. Nói cách khác, khoa học đã chứng minh rằng có sự tái sinh.

Henry Ford, người sáng lập Hãng xe hơi Ford:

Công việc là vô dụng nếu chúng ta không thể dùng kinh nghiệm đó trong kiếp sống khác.

Thiên tài là kết quả của những kinh nghiệm lâu dài trong nhiều kiếp quá khứ.

Về điều này tôi luôn chắc chắn, chúng ta đang ở đây vì một mục đích.

Chúng ta sẽ liên tục. Tâm trí và ký ức, chúng là bất diệt”.

(6) Phật giáo có mâu thuẫn và xung đột với khoa học hiện đại không?

Trong tất cả những tôn giáo thì giáo lý Phật giáo dường như không có xung đột đáng kể nào với những khám phá và phát minh của khoa học. Phật giáo cũng không tạo ra những thần thánh bí ẩn hay những thế lực siêu nhiên nào để giải thích những trật tự và nguyên lý vận hành của thế giới.

Khoa học chứng minh và chủ trương theo học thuyết Tiến Hóa, thì cũng hoàn toàn giống như học thuyết Vô Thường của Phật giáo. Tương tự vậy, cùng với những bằng chứng hóa thạch và cách tính tuổi carbon về địa chất học, khảo cổ học hiện đại đã có thể tính được tuổi của trái đất khoảng 4.5 tỷ năm ([http://vi.wikipedia.org/tuổi trái đất](http://vi.wikipedia.org/tuổi%20trái%20đất)). Khám phá này cũng giống với những lời giảng của Đức Phật về tuổi trái đất là một đại kiếp (eon), tức là một khoảng thời gian gần như không thể đếm được như vậy.

Đặc biệt, cách tính và khái niệm thời gian của Đức Phật trong môi tương quan với vũ trụ hầu như rất đúng với khoa học hiện đại. Phật giáo đưa ra cách tính thời gian của vũ trụ theo đại kiếp (kappa), tức những khoảng thời gian không thể nào đếm được. Để giải thích những quãng thời gian đó, Đức Phật đã dùng ví dụ là nếu lấy một miếng vải lụa, rồi mỗi một trăm năm (100 năm) đến lau chùi một trái núi một lần. Cho đến khi nào trái núi đó bị chùi mòn hết, thì khoảng thời gian đó có thể gọi là một đại kiếp (kappa). Thuyết vũ trụ này của Phật giáo gần giống với cách tính của khoa học. Khoa học tính rằng, tuổi của vũ trụ là vào khoảng 13.7 tỷ năm, một khoảng thời gian chúng ta không bao giờ ngồi đếm hết được. Nếu chúng ta chỉ ngồi đếm liên tục từ 1 cho

đến con số 13.7 tỷ đó thì chắc cuộc đời của chúng ta cũng đã đi qua rồi. (<http://vi.wikipedia.org/Tuổi vũ trụ>).

Đức Phật cũng đã nói nhiều về vũ trụ, chẳng hạn, vũ trụ bao gồm vô vàn những vì sao và hệ Thiên Hà và thế giới của chúng ta chỉ là một hạt bụi so với vũ trụ vô biên đó. Vào thời hiện đại, nhờ vào khoa học vũ trụ, thiên văn học, vệ tinh và những kính viễn vọng, chúng ta hoàn toàn có thể quan sát hàng tỷ tỷ vì sao và hàng tỷ hệ Ngân Hà trong vũ trụ.

Đức Phật cũng không bao giờ nói trái đất hay thế giới của chúng ta được tạo ra bởi một thánh thần hay một đấng sáng tạo nào, và con người cũng không được tạo ra bởi đấng sáng tạo đó. Điều đó cho thấy rằng, cách đây hơn 2550 năm, Đức Phật đã quan sát và miêu tả đúng đắn về vũ trụ cũng như vị trí của trái đất trong vũ trụ.

Một điều thú vị hơn là Đức Phật đã mô tả vũ trụ luôn co giãn và những chu kỳ co giãn kéo dài trong khoảng thời gian dài bằng cả một đại kiếp. Điều này đúng như lời tiên đoán cho Học Thuyết Vũ Trụ Dao Động đã được chứng minh sau 2500 năm.

Một ví dụ khác, trong một bài thuyết giảng (kinh), Đức Phật cầm ly nước trong tay và bảo rằng có vô số chúng sinh vi trùng đang ở trong ly nước. Là một khoảng thời gian thật dài kể từ lúc đó, dường như không mấy ai hiểu gì về lời dạy đó của Phật, cho đến sau này và hôm nay, chúng ta có thể nhìn qua kính hiển vi và thấy được vô số vi trùng trong bất kỳ một ly nước lã tự nhiên nào.

Ví dụ, mới cách đây khoảng một thế kỷ, khi con người đã tìm được cách nói chuyện với nhau được qua những ống nghe điện thoại khi ở cách xa nhau hàng ngàn dặm; rồi cách

đây vài chục năm chúng ta có thể chuyển qua không gian vô tận nguyên vẹn chữ viết và ký tên và có thể gửi hình ảnh của chúng ta từ một cái máy fax...cho đến hơn mười năm nay; và chúng ta đã có thể nhìn thấy nhau khi nói chuyện, gửi tất cả hình ảnh của một buổi sinh nhật trong vòng vài chục giây qua không gian để đến nửa vòng trái đất bên kia...Đó là những điều mà thời xa xưa không ai có thể tưởng tượng ra nổi, nhưng những điều Phật đã nói lúc đó người ta không thể hiểu được nếu họ không phải là một bậc thánh nhân giác ngộ.

Còn rất nhiều điều Đức Phật đã nói mà cho đến hôm nay khoa học vẫn chưa khám phá và kiểm chứng hết. Không biết chúng ta có may mắn còn sống đến khi nào hoặc có may mắn được tái sinh trở lại cõi người đáng nhớ này để chúng ta có thể được tiếp tục chứng kiến những phát minh và khám phá mới mà con người sẽ tìm ra nữa. Nhưng chắc chắn những khám phá đó không có gì là bí ẩn khác với những quy luật vận hành của tự nhiên mà Đức Phật đã từng thuyết giảng.

Vậy thì tại sao ngày xưa cho đến tận bây giờ vẫn còn rất nhiều người không tin những câu chuyện của Đức Phật về thế giới và vũ trụ, về những cõi tái-sinh hiện hữu khác của chúng sinh, mà họ cứ mãi đi theo dệt những chuyện hoang đường đầy màu sắc thần thoại và phi khoa học về Đức Phật.

William Shakespeare, trong tác phẩm "Hamlet":

"Này Horatio, còn nhiều thứ trên cõi trời và trái đất hơn những điều ông mơ thấy trong triết học của ông"

(7) Vì sao Phật giáo không có niềm tin vào Đấng Sáng Tạo tối cao sáng tạo ra thế giới vũ trụ?

Phật giáo có xu hướng khá “thực tiễn” trong những vấn đề đó và không tin vào những bí ẩn sáng tạo, và cũng không chấp nhận giả thuyết vũ trụ bắt nguồn từ “trứng vũ trụ” hay được tạo ra bởi một ‘vị thần có chòm râu dài trắng’.

Nếu bạn nghĩ rằng có một đấng sáng tạo tài tình tạo ra cả vũ trụ và thế giới, vậy ai tạo ra đấng sáng tạo tài tình đó? Và nếu đấng sáng tạo đó đã luôn luôn tồn tại, vậy liệu vũ trụ cũng đã luôn luôn tồn tại hay không?

Nói chung, Phật giáo không tin vào những đấng sáng tạo toàn năng như vậy. Chẳng hạn như nếu một đấng sáng tạo đã tạo ra vũ trụ, đã tạo ra con người, vậy tại sao không tạo ra những con người giống nhau, cùng hạnh phúc như nhau, mà lại tạo ra người ác, người hiền, người làm ra tội lỗi và phải bị hình phạt xuống địa ngục ‘vĩnh viễn’ trong cảnh đau roi máu chảy như vậy?

Cứ cho nếu con người không được đấng sáng tạo tạo ra thì cũng chẳng là gì cả. Những đấng sáng tạo, theo quan điểm tôn giáo của nhiều tôn giáo, thì là đấng sáng tạo với đầy lòng bác ái, thương yêu muôn loài. Đấng sáng tạo đã tạo ra và biết trước có thiên đường hạnh phúc và địa ngục kinh khủng. Vậy sao đấng sáng tạo lại tạo ra những con người làm nên tội lỗi để rồi bị đọa đày xuống địa ngục kinh khủng đó? - Để làm gì?. Tại sao đấng sáng tạo có lúc lại đầy lòng bác ái, thương yêu muôn loài, có lúc lại tạo ra địa ngục, rồi tạo ra con người gây nên tội lỗi và bị hình phạt một cách bất công, không thương xót ở địa ngục đó.

Đức Phật đã khuyên dạy không nên tin theo những điều do giáo điều, do kinh kệ, do truyền thống hay do những suy đoán tưởng tượng, vì nếu tin như vậy sẽ chẳng mang lại lợi ích gì.

Đức Phật khuyên rằng đừng bao giờ cố gắng tìm hiểu những câu hỏi siêu hình như vậy, chẳng hạn như: Ai tạo ra thế giới này? Thế giới này có tồn tại mãi mãi hay không? Trong câu chuyện về một người bị dính mũi tên độc không lo việc rút mũi tên ra để cứu lấy mạng sống của mình, mà cứ lo hỏi những câu hỏi vô ích như: Ai đã bắn mũi tên đó? Tên họ hắn là gì? Hắn làm nghề gì? Vì sao và vì sao?...thì người đó có thể chết trước khi nghe được câu trả lời. Cách tốt nhất là hãy để thầy thuốc rút mũi tên ra và băng bó thuốc thang và cứu lấy mạng sống của mình. Những câu hỏi đó không giúp ích gì cho việc cứu nguy mạng sống của mình.

Ý Đức Phật khuyên dạy rằng, cuộc sống trên thế gian thật là vô thường và ngắn ngủi, nên chúng ta hãy tập trung vào những vấn đề “thực tế” là làm sao để bớt Khổ, để giải thoát được khỏi Khổ... trước khi những vô thường đến vào một ngày không hẹn trước, trước khi chúng ta có thể nghe được những câu trả lời về những vấn đề siêu phàm siêu nhiên đó. Chúng ta hãy nên tu tập để mau đạt đến những trí tuệ giải thoát. Khi chúng ta đạt được loại trí tuệ giải thoát đó, chúng ta sẽ tự nhiên thấy biết tất cả những câu trả lời về những vấn đề cao siêu đó.

(8) Vậy Phật giáo có ‘thù ghét’ hay ‘đe dọa’ những người không theo đạo Phật sẽ bị hình phạt hay bị dọa vào địa ngục hay không?.

Chắc chắn là không phải rồi! Đạo Phật không chủ trương theo kiểu cơ chế thưởng phạt và địa ngục vĩnh viễn.

Phật giáo chủ trương rằng những quy luật về Nghiệp, luật nhân-quả đều áp dụng cho tất cả mọi người. Không phải là Phật tử thì được ưu ái, còn không phải Phật tử thì bị xử. Không phải vậy, mọi người đều nhận lãnh những hậu quả tốt xấu tùy theo Nghiệp của mình.

Phật giáo không phải giống những tôn giáo khác là sẽ trừng phạt con người khi họ chọn theo tôn giáo khác. Thời nay, những hình phạt dành cho những người gọi là ‘ngoại đạo’ hoặc cho những kẻ bỏ đạo đi theo tôn giáo khác đã bị nghiêm cấm. Tất cả mọi người trên trái đất đều được bảo vệ, được tôn trọng để lựa chọn tín ngưỡng cho mình. Đó là nhân quyền, như đã được ghi rõ trong Hiến Chương của Liên Hiệp Quốc (Điều 18). Việc trừng phạt mang tính tôn giáo đã bị cấm ở hầu hết những nước văn minh trên thế giới này. Những người soạn thảo và quyết định Hiến Chương tiền bộ này cũng là những người từ những tôn giáo “hữu thần” khác nhau. Vậy không lẽ có đấng sáng tạo nào mà lại thiếu văn minh như vậy? Còn trừng phạt hay đày đọa tín đồ của mình chỉ vì họ từ bỏ tôn giáo hoặc vì họ chuyển qua tôn giáo khác?

Phật giáo thì chưa bao giờ liên quan đến ý tưởng này. Đạo Phật không có chủ trương ích kỷ hay trừng phạt bất kỳ ai vì bất kỳ lý do tôn giáo, ngay cả việc không tin vào Đức Phật.

Nếu đấng sáng tạo là một người tạo ra muôn loài và loài người thì tại sao đấng sáng tạo có thể giáng một người xuống địa ngục để bị đọa đày, nấu chảy mãi mãi ở đó? Bạn có bao giờ đốt một diêm quẹt dưới lòng bàn tay và chịu

được sự nóng cháy của ngọn lửa không? Vậy sao bạn có thể đốt bàn tay của người khác mãi mãi để người ta kêu rống trong đau đớn như vậy?

Và giả sử bạn là đấng sáng tạo có đầy đủ quyền năng để dừng lại việc thiêu đốt đó, liệu bạn có nên dừng lại không hay vẫn tiếp tục nhìn người khác đau đớn như vậy?

Đức Phật chủ trương tự do tư tưởng. Người đã chưa bao giờ yêu cầu bất cứ ai phải tin theo giáo lý của Người. Đức Phật còn cho rằng không phải bất cứ ai cũng hiểu được giáo lý của Phật, vì những căn cơ khác nhau của mọi người, cho nên mọi người đều có thể chọn con đường thích hợp nhất cho mình.

Phật giáo không phải là một tôn giáo của giáo điều và thưởng phạt, mà Phật giáo mong muốn đưa đến cho mọi người sự hiểu biết và “thấy” rõ những lẽ thật, chân lý của cuộc đời và thế giới, rồi tự mọi người chọn cách sống thích hợp cho mình để tránh bỏ những đau khổ trong cuộc đời.

Nhà bác học Albert Einstein :

“Tôi không thể tưởng tượng một Thượng đế, kẻ thưởng thưởng và trừng phạt những tạo vật của mình...”

“Tôn giáo của tương lai sẽ là tôn giáo về vũ trụ. Nó phải vượt quá một đấng thượng đế cá nhân và tránh bỏ giáo điều cùng lý thuyết thần học. Bao trùm cả hai mặt tự nhiên và tâm linh, nó phải được dựa trên cảm quan tôn giáo có được từ kinh nghiệm về mọi sự vật tự nhiên

và tâm linh như là cách kết hợp đúng nghĩa nhất. Phật giáo sẽ trả lời được ý nghĩa này.

“Nếu có một tôn giáo nào có thể đương đầu với những nhu cầu khoa học hiện đại thì đó là Phật giáo. Phật giáo không cần xét lại quan điểm của mình để cập nhật với những khám phá mới của khoa học. Phật giáo không cần phải từ bỏ quan điểm của mình để xu hướng theo khoa học, bởi vì Phật giáo bao trùm cả khoa học cũng như vượt qua khoa học”.

(9) Phương pháp “Thiền” có tạo những tâm niệm xấu ác hay không, theo như một số người vẫn bàn tán mà không giải thích?

Thiền đã được thực hành và phát triển bằng nhiều hình thức khác nhau và nhiều nền văn hóa khác nhau trong suốt mấy ngàn năm qua. Ngày nay, thiền tập được thực hiện trên khắp thế giới, đặc biệt phát triển mạnh ở những nước phương Tây.

Rất nhiều công ty, doanh nghiệp đã gửi nhân viên của mình đến thiền tập ở những khóa thiền. Họ nhận ra rằng, thiền mang lại rất nhiều lợi ích làm cho tâm an định và tâm trong sạch, và giúp cho việc kiểm soát những áp lực công việc, stress, nỗi đau, bức xúc và những cơn giận.

Những nhà thần kinh học thuộc Trường Y Khoa của đại học University of Massachusetts, bằng cách nghiên cứu sóng não của những người hành thiền, đã cho thấy kết luận rằng não của họ an bình và tĩnh lặng hơn não của những

người không hành thiền. (www.psychologytoday.com/articles/200304/the-benefits-meditation).

Những nhà nghiên cứu của Trung Tâm Y Khoa San Francisco thuộc đại học University of California, cũng đã kết luận rằng nhờ vào thiền tập, những người theo Phật giáo thực sự hạnh phúc và bình tĩnh hơn những người khác!. (www.news.bbc.co.uk/2/hi/health/3047291.stm)

Một số người không tán đồng việc hành thiền vì những nỗi sợ vô lý. Điều đó là hoàn toàn sai trái, ngay cả đơn thuần về mặt khoa học, y học.

(10) Phải chăng những câu chuyện về những điều thần diệu về năng lực thần thông của Đức Phật là có thật?

Theo Phật giáo, mọi điều đều có thể xảy ra, theo tiến trình khoa học và nhân quả.

Một số năng lực của Tâm có thể tạo ra những kỳ công hay những điều thần diệu *khó mà giải thích được bằng tri kiến bình thường của người phàm tục* còn đây vô minh và ô nhiễm như chúng ta.

Đúng là trong kinh điển có ghi lại một số điều thần diệu và năng lực thần thông mà Đức Phật đã thể hiện trong một vài lần để chinh phục đạo đức của những người ngoại đạo quá khích. Tuy nhiên, Đức Phật chưa bao giờ nói nhiều về những năng lực này hay chỉ dạy cho ai về thần thông như là một giáo lý cần thiết.

Còn một số câu chuyện khác về năng lực thần thông của Đức Phật lịch sử có lẽ do một số tu sĩ cổ xưa đã phóng đại, thêm dệt thêm ít nhiều, vì sự sùng kính cao độ dành cho Đức Phật và vì mục đích tạo ra những hình ảnh cao siêu của Đức Phật để sánh với những hình ảnh huyền thoại bí ẩn của tôn giáo hữu thần khác vào thời cổ xưa đó (như Hindu giáo).

Phật giáo không khuyến khích sự đề cao hay niềm tin mù quáng vào những điều thần diệu, những bùa phép hay về một Đức Phật đầy huyền thuật và thần thông bí ẩn như vậy. Đức Phật không chủ trương phép thuật hay thần thông biến hóa là một trong những cách thức tu hành nào cả.

Chính Đức Phật đã dạy rằng, bất kỳ thần thông biến hóa nào, cho dù có thật đi nữa, thì cũng không hề quan trọng. Điều quan trọng là thực hành con đường Đạo mà Đức Phật đã hướng dẫn, bởi vì chỉ có con đường đó mới giải thoát con người khỏi mọi khổ đau và phiền não mà thôi.

(11) Những người đồng tính luyến ái có thể là Phật tử hay không?

Xu hướng tình dục của mọi người là không liên quan và không phải là yếu tố quan trọng gì trong Phật giáo hết. Đồng tính luyến ái là xu hướng tình dục tự nhiên của một người, và có lẽ đó không phải là một dạng phạm giới về đạo đức như là một hành động tà dâm (giới thứ tư trong “Năm Giới”).

Nếu bạn thắc mắc, những người theo đạo Phật có thể sẽ hỏi lại như vậy: “Ai tốt hơn ai, một người đồng tính chính trực hiền hòa hay một người tình dục khác phái mà vô lương tâm gian trá?”.

Theo Đức Phật, đạo đức và phẩm hạnh của một người không phụ thuộc vào tôn giáo của họ!. Dù những người có đang theo đạo Phật hay không, thì họ vẫn là người tốt khi họ là người tốt. Và tất cả mọi người đều có thể tham gia vào Phật giáo, nếu họ tìm hiểu và thấy đạo Phật là có lý và thích hợp cho việc tu tập để đem lại sự bình an và giải thoát cho họ. Dù cho họ không theo đạo Phật một cách chính thức, nhưng nếu họ sống một đời với đạo đức tốt đẹp, thì họ cũng đã là những Phật tử rồi, theo ý nghĩa của Phật giáo.

(12) Hút thuốc lá là ngược với đạo Phật?

Nói một cách chính thức thì Phật giáo không xem việc hút thuốc lá là sai trái về mặt đạo đức.

Tuy nhiên, rất nhiều những Phật tử và tu sĩ Phật giáo nghiêm túc và gương mẫu đều không hút thuốc lá, và họ thường khuyến khích việc từ bỏ thuốc lá.

Bởi vì hút thuốc lá có rất nhiều điều nguy hại cho bản thân. Những người “tu thiền” không nên hút thuốc lá, vì hút thuốc lá là làm cho thần kinh và tâm trí luôn luôn bị hồi hộp, kích thích, trong khi việc thiền định là việc làm cho tâm tĩnh lặng và tập trung. Hơn nữa, hút thuốc lá là làm cho hệ hô hấp hoạt động không tốt, hơi-thở sẽ khó khăn, ngắn dài, ngộp thở vì thuốc lá làm hại phổi và hệ tim mạch, làm sức khỏe không tốt, tất cả đều cản trở cho việc hành thiền. Cho dù những tăng sĩ không tu theo phương pháp thiền thì họ cũng không nên hút thuốc lá vì điều đó cũng tạo ra những hình ảnh không đẹp ở những nơi chùa chiền và trước mắt những Phật tử. Nhưng sự thật thì thời nay có rất nhiều thầy tu theo pháp môn Tịnh Độ ở Việt nam là những người hút thuốc lá thường xuyên.

Một vấn đề nữa của hút thuốc lá, cũng giống như việc uống rượu và dùng chất độc hại, do là gây nghiện. Hút thuốc có thể biến thành một dạng thèm muốn liên tục hàng ngày vì tính chất gây nghiện và làm cho người hút thuốc luôn luôn phụ thuộc vào nó.

Một vấn đề quan trọng nữa, là việc hút thuốc lá vừa gây hại cho bản thân mình, vừa ảnh hưởng và gây hại đến những người hít thở xung quanh, họ trở thành những nạn nhân của người hút thuốc lá “bị động”, trở thành những nạn nhân của người hút thuốc. Mà như Đức Phật đã nói, những việc gì mình làm mà gây hại cho bản thân mình và những người khác thì đó không phải là một hành động tốt thiện. Và vì vậy, chúng ta cần nên tránh bỏ.

Cũng chính vì lý do gây nguy hại cho mình và mọi người, nhiều nước văn minh trên thế giới đã hạn chế việc hút thuốc và việc hút thuốc cũng bị nghiêm cấm ở những nơi công cộng.

Từ những điều này, chúng ta có thể hiểu rằng Phật giáo có lẽ không tán đồng với việc hút thuốc lá, và có lẽ không xem việc hút thuốc là thái độ hay hành động tích cực và tốt lành trong cuộc sống.

(13) Phật giáo dạy chúng ta nên luôn luôn hài lòng với mọi thứ mình có. Tuy nhiên, đa số mọi người đều có tham vọng làm việc nhiều hơn để có thu nhập nhiều hơn, và cũng có tham vọng tạo cuộc sống sung túc hơn cho gia đình. Vậy làm sao hòa giải vấn đề này?

Đây là một câu hỏi hay!. Đúng là Đạo Phật khuyến dạy mọi người hãy biết hài lòng, biết hạnh phúc với những gì

mình có được, đừng quá tham lam, đừng quá tham muốn mà dẫn đến thất vọng, bất hạnh và khổ sở.

Tuy nhiên, Đạo Phật vẫn mở ra cho mọi người sự tự do chọn lựa phương cách và con đường nào đem lại nhiều an lành và hạnh phúc nhất cho mình, *miễn sao bạn đừng quá đi về cực đoan*. Vì vậy, đạo Phật đã chủ trương và khuyến khích “Con Đường Trung Đạo”. Trung đạo nghĩa là sao?

Nghĩa là (a) bạn đừng quá tham vọng đến nỗi có khả năng gây phương hại đến quyền lợi của người khác trong khi mình nỗ lực để đạt được mục đích đó của mình. Và bạn (b) cũng không nên quá hài lòng với hoàn cảnh của mình, nếu còn phấn đấu được để cải thiện đời sống tinh thần và vật chất cho chính mình và gia đình, thì hãy cố gắng nỗ lực trong phạm vi khả năng của mình, đừng quá rụt rè một cách tiêu cực, nhưng cũng đừng quá tham vọng một cách quá đáng. Tức là tránh hai cực đoan. Đó là ý nghĩa của con đường trung đạo.

Ví dụ, vì tham muốn được thăng cấp hay được tăng lương mà mình phải dùng nhiều cách hay thủ đoạn không tốt để đạt được mục đích, làm phương hại đến đồng nghiệp và người khác, thì điều đó là không đúng với đạo Phật.

(Những thực tại “không đẹp” trong ví dụ này là rất phổ biến trong nhiều nơi công sở hiện nay!. Một số đồng nghiệp và đối tác của tôi trước đây từ Trung Quốc, Nam Triều Tiên và nhiều nước Âu Mỹ cũng tâm sự rằng việc này là khá phổ biến ở đất nước họ. Tuy nhiên, cũng theo ý họ, tình trạng này ở những nước Âu Mỹ có vẻ ít hơn so với ở những nước Đông Á).

Hay vì muốn có thật nhiều tiền, nên bạn dành hết thời gian làm thêm ngoài giờ, coi nhẹ những thời gian hay

những việc dành cho gia đình, vợ chồng, con cái, cha mẹ, anh chị em... Điều đó về lâu về dài sẽ làm tổn hại tình cảm của gia đình đối với mình, điều đó là không có lợi cho mình và gia đình.

Nói cho cùng, những tham vọng và sự bằng lòng phải nên được cân bằng theo đúng hoàn cảnh, năng lực và những nhu cầu được ưu tiên theo thứ tự của mình. Ví dụ thời gian đi chăm sóc cha mẹ ở bệnh viện sau giờ làm việc nên được ưu tiên hơn là thời gian dành cho việc làm thêm ngoài giờ để tăng thêm mức độ thu nhập. Cha mẹ càng ngày càng gần đất xa trời, chứ họ không chờ cho bạn có đủ thu nhập để đến chăm sóc họ. Nguyên tắc vẫn vậy. Dù bạn có tham vọng tích cực đến đâu, thì luôn luôn suy nghĩ chính chắn rằng: *“Những gì làm mà không có lợi cho mình hay người khác, hay cả hai, thì mình nên tránh. Những gì (tham vọng) nào nếu mình làm thì mang lại lợi ích cho mình và cũng không làm tổn hại cho người khác, thì mình có thể làm”*.

Sự chấp nhận bằng lòng với mọi điều, mọi hoàn cảnh cũng nên dựa vào nguyên tắc trung đạo này.

(14) Việc ăn chay là bắt buộc đối với những Phật tử?

Theo Đạo Phật, đặc biệt là Phật giáo Nguyên thủy, thì việc ăn chay hay không là hoàn toàn phụ thuộc vào cá nhân của mỗi người. *Phật giáo không nhấn mạnh vào sự thanh tịnh và thanh khiết của thức ăn, mà nhấn mạnh vào sự thanh tịnh và trong sạch của Tâm.*

Đây là một trong những vấn đề thường được bàn cãi, bạn cần tìm hiểu kỹ tại sao Phật giáo Nguyên Thủy thì nói như vậy, trong khi phần lớn những người theo Phật giáo Đại

Thừa thì chủ trương việc ăn chay là bắt buộc đối với mọi Phật tử xuất gia và khuyến khích mọi Phật tử tại gia cũng nên ăn chay.

Phật giáo Nguyên Thủy hay Nam Tông đến ngày nay vẫn chủ trương việc “khất thực” thức ăn theo đúng như cách thực hành từ thời Đức Phật còn tại thế. Mà đã đi khất thực thức ăn, thì người đi khất thực (xin đồ ăn) không nên yêu cầu người cho (thí chủ, Phật tử cúng dường thức ăn) phải làm đồ ăn đúng theo yêu cầu của mình. Vì vậy, từ thời Đức Phật cho đến nay, trường phái bảo thủ này vẫn giữ nguyên truyền thống khất thực, và người ta cho gì ăn nấy.

Điều thứ hai, Phật giáo Nguyên Thủy chủ trương ăn chay theo giới “Tam Tịnh Nhục”, có nghĩa là những loại thịt nào không dính vào ba điều sau thì Phật tử có thể dùng. Ba điều đó là (a) không thấy người ta giết, (b) không nghe tiếng kêu la của loài thú bị giết, và (c) không có sự nghi ngờ về người khác giết thịt là để cho mình ăn, tức là vì mình mà giết thịt. Nếu thức ăn (thịt, cá) nào đáp ứng đủ ba điều kiện này, thì các Tỳ kheo được ăn, là không phạm giới, theo sự cho phép trong Giới Luật mà Đức Phật đưa ra. **(Phụ Lục 17)**

Trong khi đó, Phật giáo Đại Thừa, đặc biệt ở Trung Quốc sau này, thì không chấp nhận cách ăn chay này, họ quan niệm rằng ăn chay là không được ăn thịt động vật, mà chỉ ăn các loại rau, đậu, trái cây...

Bất luận quan điểm của Phật giáo Nguyên Thủy hay Đại Thừa, mục đích của sự ăn chay là làm tăng trưởng lòng từ bi, làm giảm bớt lòng sân hận cũng giống như cách tu tập “không sát sinh”, để biết thương yêu người đồng loại và những loài sinh vật khác. Khi một người đã có lòng từ bi và không nỡ giết hại các loại loài vật, thì người ấy cũng khó có

thể giết người. Đó là lý do tại sao Đức Phật đưa ra giới cấm: “*Không được sát sinh*”. Chính Giới Hạnh thứ nhất này là nhân tố để hình thành quan điểm ăn chay trong đạo Phật. **(Phụ Lục 18)**

Nhiều người đã suy nghiệm về sự tàn bạo khi giết hại súc vật nên họ đã từ bỏ sự thèm muốn ăn thịt cá và trở thành những người ăn chay, chứ không riêng những người theo đạo Phật mới ăn chay. Rất nhiều người phương Tây bây giờ ăn chay vì quan điểm từ-bi này.

Ở đây, rất mong bạn đọc nên đọc thêm những giảng luận với nhiều góc nhìn về đề tài “nhạy cảm và quan trọng” này trong bài Phụ Lục ở cuối sách!.

► *Do vấn đề này là quan trọng và bạn là người Phật tử tại gia cần phải tự mình suy nghĩ và tự quyết định cho mình như thế nào là đúng sai, như thế nào là hợp đạo lý và hợp với lời Phật dạy, bởi vì vấn đề này được hiểu và thực hành khác nhau bởi nhiều trường phái Phật giáo khác nhau. Bạn cần nên đọc và tham khảo thêm nhiều nguồn kinh, sách và luận giảng khác nhau!*

Tuy nhiên, trong hạn hẹp của quyển sách nhỏ bé này, chỉ mong muốn nói thêm như sau:

(1) Theo quan điểm của Phật giáo Nguyên thủy, thì bạn có thể ăn chay. Hoặc nếu việc ăn chay là khó khăn, bất tiện (vì phải đi khát thực, hoặc vì phải nhờ vào nguồn thức ăn của người khác để nuôi thân, hoặc môi trường sống ở nơi đó không thể có nhiều thức ăn thực vật) thì bạn có thể tiếp tục ăn mặn, trong khi vẫn là một Phật tử đạo hạnh.

(2) Theo quan điểm của Phật giáo Đại Thừa, người xuất gia thì bắt buộc phải ăn chay (rau củ, thực vật...). Còn Phật

tử tại gia nếu ăn chay được, hợp với sức khỏe và tiện lợi của mình, thì nên ăn chay, là sự thực hành rất đáng khen ngợi. Còn nếu không, Phật tử tại gia được khuyến khích ăn chay vào các ngày lễ lành như ngày Rằm, Mồng Một, hay những ngày giữ Tám giới... để tăng trưởng lòng Từ Bi đối với con người và vạn vật.

- Tại đây có hai vấn đề chúng ta cần nên suy nghĩ, theo thiện ý của tôi:

Một, ăn chay chắc chắn là cách tốt đẹp đối với một Phật Tử, và ăn chay là chắc chắn nuôi dưỡng lòng từ bi, là tránh sát sanh và tránh gây tổn hại cho bất cứ người nào và chúng sinh nào.

Hai, tuy nhiên đừng nên cho rằng chỉ việc ăn chay là hoàn toàn trở thành một Phật tử tốt, theo đạo Phật. Việc ăn chay không phải là thay thế được cho những việc thực hành, tu tập và giữ giới hạnh đạo đức khác. Như đã nói trên, ***Phật giáo nhấn mạnh vào sự tu tập, sự sống giữ giới hạnh và tu dưỡng Tâm*** để có Tâm trong sạch, lành mạnh, và chính điều này mới tạo ra Nghiệp tốt lành, tạo ra cuộc sống tốt lành.

(15) Tại sao có những tu sĩ vẫn ăn thịt trong khi rau cải thì rất dễ dàng có được ở khắp nơi?

Khi có người trong Tăng Đoàn, đó là ngài Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), đã đề xuất với Phật về việc ăn chay và cấm các tu sĩ ăn thịt cá. Đức Phật đã từ chối đề xuất này. Có lẽ Đức Phật đã có nhiều lý do thiết thực vào hoàn cảnh xã hội thời đó, bởi vì rau cải không được gieo trồng một cách trù phú ở những vùng miền bắc Ấn Độ vào thời xưa đó, đặc

biệt rau cải và ngũ cốc là rất khan hiếm vào những mùa khô hạn ở xung quanh lưu vực sông Hằng.

Ví dụ sau này, nếu chỉ ăn chay bằng rau cải thì sẽ rất khó khăn cho những vùng Phật giáo như Tây Tạng, vì ở đó gia súc thì rất nhiều, mà những rau cải, trái cây thì cực kỳ khan hiếm, khó trồng được ở vùng đất khắc nghiệt đó.

Vào thời Đức Phật cho đến tận ngày nay, những tu sĩ (theo Phật giáo Nguyên Thủy) vẫn sống nhờ vào thức ăn khát thực. Và thức ăn khát thực là tùy theo lòng bố thí của thí chủ và Phật tử cúng dường. Nếu những tu sĩ yêu cầu chỉ giới hạn cúng dường bằng thức ăn toàn-chay, toàn rau cải ngũ cốc, thì điều đó có thể tạo gánh nặng cho những thí chủ cúng dường thức ăn hàng ngày cho các Tăng Ni. Thực tế là đa số mọi người trong cuộc sống ở những xứ sở này đều tranh thủ “một lần” thời gian trong ngày để nấu thức ăn, trước là cúng dường các sư thầy, sau là phần còn lại để gia đình ăn. Mà đa số những gia đình Phật tử này cũng ăn mặn như truyền thống từ thời Đức Phật. Vì vậy, những thầy tu của Nam Tông nhận và ăn bất cứ thứ gì được cho, ngay cả là thịt, miễn sao những loại thịt đó nằm trong giới hạnh của “Tam Tịnh Nhục” như đã nói trên, là được.

► Xin nói thêm một chút về Giới Luật của Tăng Đoàn. Vì Phật giáo Nguyên thủy cấm, không cho các tu sĩ nhận sự cúng dường bố thí bằng tiền bạc. Cho nên họ không có cơ hội đi mua thức ăn bằng tiền bạc để mà chọn thức ăn theo ý muốn của mình (giả sử như họ có muốn ăn chay). Họ hoàn toàn phụ thuộc vào thức ăn khát thực của dân làng, của thí chủ bố thí cho họ hàng ngày. Ngay cả khi họ nấu ăn trong tu viện, tịnh xá thì những nguyên liệu thực phẩm cũng là do những Phật tử mang tới cúng dường. (Hy vọng quý vị hiểu ra được chỗ này.)

Ngày nay, thực tế rất nhiều tu sĩ và chùa chiền theo Phật giáo Nguyên Thủy cũng ưu tiên việc ăn chay như ở Thái Lan, ở Miến Điện...khi những điều kiện hậu cần cho phép.

Tuy nhiên, những thầy tu “nghiêm túc” theo truyền thống Đại Thừa chắc chắn là ăn chay tuyệt đối.

(16) Việc ăn những đồ chay giả mặn có là nguy hiểm và đạo đức giả hay không? Tại sao lại làm thức ăn chay giả mặn ở các nước Đông Á như Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan, Triều Tiên?

Đồ ăn chay giả mặn là những thức ăn “chay” làm từ bột, đậu nành, nấm và thực vật nhưng được làm và trình bày giống như những món ăn mặn. Nhiều nơi những người Phật tử nấu và ăn những đồ ăn kiểu này bị cho là đạo đức giả. Cái lý là: Đã ăn chay để quên đi thịt cá, quên đi việc sát sinh động vật, vậy mà khi nấu chay lại chế biến “rau cải” giống hệt như mùi vị hình dạng của thịt cá để ‘gợi nhớ’ đến những thức ăn từ thịt cá (và có thể để ăn cho được ngon miệng hơn)!

Một số người thì giải thích rằng việc làm thức ăn chay giả mặn là cách làm cho những người chưa ăn chay bước qua ăn chay được dễ dàng hơn, không bị bỡ ngỡ, không bị khó ăn khi chuyển từ ăn mặn qua ăn chay(!). Điều này dù có đúng đối với một số người, nhưng có lẽ chỉ là tự nguy hiểm. Rõ ràng là trong tất cả những quán ăn chay, và trong những dịp lễ lành các Phật tử tề tựu về các chùa chiền ở Việt Nam và những nước Đông Á khác, thì hầu hết thức ăn chay đều được chế biến và trình bày với hình dạng, hình thức và hương vị y hệt thức ăn mặn, và được dùng bởi tất cả mọi người và cả Tăng Ni.

Có hai vấn đề hay “hai lý lẽ” cần suy nghiệm, và bạn cần chọn cho mình quan điểm nào bạn thấy đúng đắn, là phù hợp với giáo lý của Phật và phù hợp với lòng từ-bi của chính mình:

Một (1), khi đồ chay giả mặn được chế biến và trình bày cho số đông Phật tử là những người bình thường đang ăn mặn, thì họ nói là chế biến như vậy để những người đang ăn thịt cá chuyển qua ăn chay được dễ dàng hơn, vì hình thức và mùi vị cũng gần giống món mặn!. Cho nên tất cả quán cơm chay, nhà hàng chay và những nơi cúng dường Trai Tăng cũng đều làm như vậy. Đó cách khuyến khích mọi người ăn chay!.

Hai(2), khi làm đồ chay giả mặn và cúng dường cho Tăng Ni, thì họ lại nói Tăng Ni thọ dụng thức ăn chay giả mặn nhưng Tâm không hề khởi sinh điều gì về đồ ăn mặn như thịt, cá. Điều này rất khó nói!. Đức Phật đã nói: khi có đối tượng tiếp xúc, như mùi, vị, hình sắc...thì cảm-thọ và “tâm-khởi” sẽ khởi sinh.

Cho dù theo Phật giáo Nguyên Thủy thì việc ăn mặn là không bị cấm, nhưng nếu đã tránh ăn đồ mặn thật sự vì lý do không muốn hình thù, mùi vị của thịt cá làm động lòng từ bi, làm suy nghĩ về việc sát sinh giết hại, thì việc làm đồ ăn chay giả mặn với hình thù, mùi vị như của thịt cá thật (thịt gì, cá gì thì có những hình thù và mùi vị đúng như vậy) chắc sẽ làm khởi sinh trong tâm những nhận-thức [tưởng] về loại thịt hay cá đó. Và như vậy lại đi ngược lại ý nghĩa của việc ăn chay!. Như vậy, cái “ý nghĩa” của việc ăn chay là vì lòng từ-bi, là để quên đi hình ảnh, mùi vị của thịt cá thật... cũng không còn ở đây!.

Bạn có thể tự hỏi rằng, nếu ăn chay vì lòng từ-bi và sự thanh-tịnh của thân và tâm, thì rau cải, nấm rơm, đậu nành... được cắt thành từng miếng nhỏ vuông vức ăn không thấy ngon miệng một cách tự nhiên hay sao mà cần phải công phu cắt tỉa, gán ghép, tạo hình và cho vào những gia vị, mùi vị để thức ăn phải giống như chả lụa, cá kho, heo xào, thịt nướng... thì mới ăn thấy ngon miệng được?.

Tuy nhiên, dù tốt hay xấu, thì việc ăn chay hay ăn đồ chay giả mặn vẫn tốt hơn nhiều so với việc “cố ý” ăn thịt ăn cá với cái tâm “ý thức” rõ việc giết thịt sát sanh chắc chắn đã xảy ra đâu đó (ở những lò giết mổ, ở chợ, và ở trong nhà bếp của những người nấu).

Đức Phật:

*Tất cả mọi chúng sinh
Đều mưu cầu được sống
Đều mưu cầu hạnh phúc*

.....

*Mình run sợ đao kiếm
Mình cũng sợ chết chóc
Vậy lấy người là mình
Thì không nên giết hại
Không gây ra giết hại.*

(*Kinh Pháp Cú – kệ 129*)

(17) Những cảnh giới¹ hiện hữu (cõi sống) khác nhau là gì? Chúng là những nơi thực hay ảo?

Theo truyền thống Phật giáo, có năm (5) cảnh giới hiện hữu mà tất cả các loài chúng sinh có mặt ở đó. Năm cảnh giới đó là:

Địa Ngục
Súc Sinh
Nạ Quỷ
Người
Thiên Thần và Trời

Những cảnh giới thấp xấu đầy đau khổ là: Địa ngục, Súc sinh, Nạ quỷ.

- Địa ngục theo kinh điển bao gồm 08 đại địa ngục và 160 tiểu địa ngục bao bọc xung quanh những đại địa ngục đó.

- Súc sinh là cảnh giới của tất cả loài động vật từ nhỏ bé cho đến to lớn.

- Nạ quỷ (peta) có nghĩa là “quỷ đói”, hoặc hay được gọi là những ‘hồn ma’ hay “những người khuất mặt” xung quanh ta. Nạ quỷ sống trong cõi vô cùng đày đọa và đau khổ, luôn luôn thiếu thốn, luôn luôn đói khát mà không được ăn uống. Và có những loài nạ quỷ luôn luôn ở gần những người thân quyến còn sống của mình và có thể thấy được tất cả những gì họ hàng, thân quyến của mình đang làm, và luôn luôn khao khát những người thân làm những

¹“Cảnh giới” là hoàn cảnh, là phân giới cao thấp, ví dụ cảnh giới súc sinh, cảnh giới địa ngục, cảnh giới trên trời. Trong mỗi loại cảnh giới cao thấp đó có thể có nhiều “cõi sống” khác nhau, ví dụ địa ngục có 168 tầng hay “cõi” khác nhau, cảnh giới trên trời thì có đến 28 “cõi” sống khác nhau.

việc công-đức và hồi-hướng công đức đó cho họ để họ hưởng được công-đức đó. Đó là cách duy nhất giúp họ giảm bớt nghiệp xấu và hy vọng được tái sinh về một cõi lành khác.

- Cõi Súc sinh và Ngạ quỷ là ở cùng nơi với cõi Người, cùng ở trên bề mặt trái đất.

- [Xin để ý thêm: loài Quỷ thần A-tu-la (asuras) là loài quỷ thần dị dạng to lớn ở cõi trời của Nam Thiên Vương (thuộc Tứ Đại Thiên Vương), nhưng do nghiệp xấu, luôn sống với tâm sân hận hung hãn và đau khổ, cho nên họ cũng thuộc về cảnh giới thấp xấu đau khổ mặc dù cõi sống của họ là thuộc về trên cảnh giới trời thần. Cho nên, nhiều truyền thống Phật giáo khác đã tính riêng cõi quỷ thần A-tu-la một cảnh-giới đau khổ riêng, và do cách tính như vậy nên tổng cộng có 06 cảnh giới mà chúng sinh đang hiện hữu.

Bạn có biết không, có rất nhiều có lòng tốt và chính trực, họ là những người tốt bụng, công bằng, và có lòng bi mẫn, nhưng họ có tâm hay dễ bị nóng giận. Họ có thể nóng giận vì nhiều lý do xảy ra hàng ngày, họ nóng giận vì bất đồng, vì tự ái, vì cái ta bị xúc phạm, hoặc vì sự bất công, vì quá nóng ruột lo lắng cho người thân và người khác, vì hoàn cảnh trở trêu, vì gặp phải người xấu, vì buồn bực nhân tình thế thái...Nếu họ không tu tập tâm để giảm trừ tâm sân-giận đó, thì sau khi chết họ rất dễ bị tái sinh thành những quỷ thần A-tu-la đau khổ như vậy!]

- Những cảnh giới cao đẹp là cõi Người và những cõi Trời của các thiên thần và các vị trời Phạm Thiên (Brahmas).

- Kinh điển cũng ghi rằng có nhiều “tầng”, tức nhiều “cõi” cao thấp khác nhau trong cảnh giới Địa Ngục và trong cảnh giới Thiên Thần và Trời.

• Nếu loài quỷ thần A-tu-la (*asuras*) được tách riêng ra thành một (đơn vị) cõi hiện hữu riêng biệt, và các tầng địa ngục được gom chung thành một cõi, thì tổng cộng có 04 cõi thuộc cảnh giới xấu [Địa ngục, Súc sinh, Ngạ quỷ và A-tu-la], 07 cõi Dục giới phúc lành [gồm 1 cõi dục giới là cõi Người và 06 cõi dục giới của Thiên thần], 16 cõi Trời Sắc Giới và 04 cõi Trời Vô Sắc Giới.

Tổng cộng: Có **31** Cõi hiện hữu mà con người (và chúng sinh) có thể bị hay được tái sinh về đó ngay sau khi từ già kiếp sống hiện tại.

Chẳng hạn ở cảnh giới địa ngục có đến 168 “tầng” đại địa ngục và tiểu địa ngục khác nhau, tùy theo mức độ Nghiệp ác nặng nề mà chúng sinh bị rơi rớt và đày đọa vào đó.

Còn trên cảnh giới Thiên thần và Trời có rất nhiều cõi Trời khác nhau, tùy theo mức độ do Nghiệp thiện lành mà chúng sinh được tái sinh về đó, gồm có 06 Cõi Trời Dục Giới, 16 Cõi Trời Sắc Giới và 04 Cõi Trời Vô Sắc Giới.

Để dễ hình dung, bạn có thể liên-tưởng đến một cõi là “cõi Người” trên trái đất mà chúng ta đang sống, gồm 193 nước trải dài trên 07 đại lục địa. Nếu chúng ta may mắn được sống trong những đất nước văn minh, thanh bình và khí hậu ôn hòa, thì đó là một điều phúc lành so với việc phải sống trong những đất nước lạc hậu, đầy chiến tranh và khí hậu khắc nghiệt, đói nghèo và bệnh tật. Những đất nước trên trái đất và mức độ dễ sống và khó sống khác nhau, thậm chí quá chênh lệch nhau, thì cũng giống như những “cõi” khác nhau trên cảnh giới trên Trời hay những “cõi” khác nhau trong cảnh giới dưới địa ngục vậy.

Vì vậy, có thể nói rằng bất kỳ một cõi Trời nào đó (trong 26 cõi thuộc cảnh giới Thiên thần và Trời) là chắc chắn sẽ

tốt đẹp hơn và phúc lành hơn bất cứ quốc gia nào trên trái đất cõi người.

Và ngược lại, có thể hiểu bất kỳ một “tầng” hay “cõi” nào đó (trong 168 “tầng” hay “cõi”) của cảnh giới địa ngục cũng chắc chắn là kinh khủng hơn, đày đọa hơn và toàn là đau khổ hơn bất kỳ xứ sở nào trên trái đất.

Vì vậy, ở nơi đâu đời sống hay môi trường sống có sự tàn bạo, độc tài, áp bức và đày đọa quá khốc liệt với con người thì người ta hay gọi là “địa ngục trần gian”.

Khi nói về đời sống Thân-Tâm của con người, Đức Phật thường nói một cách ẩn dụ về những “cảnh giới”, có nghĩa là những tình trạng hạnh phúc hay đau khổ khác nhau của con người tùy theo hoàn cảnh của mỗi người.

-Ví dụ một người đang phải chịu tội nguyên, đau đớn hoặc tinh thần khủng hoảng, thì người đó đã giống như đang chịu cảnh địa ngục.

-Những người không còn lẽ sống gì, chỉ biết nằm chờ đến bữa ăn và sống để ăn, thì chẳng khác nào sống như cảnh súc sinh.

-Những người quá tham lam, luôn luôn tham muốn thêm khát mà chẳng bao giờ được thỏa mãn dù đã có đầy đủ, thì được cho là giống như loài ngựa quý: luôn luôn cảm thấy đói, thiếu và đau khổ vì thèm khát.

-Người luôn luôn có máu sên giận, ganh tị, chiến tranh, tranh dành quyền lực và của cải thì tâm cũng chẳng khác nào loài quỷ thần dị dạng A-tu-la: luôn luôn sống với tâm sân hận, thù hằn và hiếu chiến.

-Và những ai được sinh ra đẹp đẽ và giàu sang có thể được gọi là đang sống sung sướng như ở cõi thiên thần hay thiên đàng. Cõi thiên thần dường như là mơ ước của Ví dụ những ngôi sao thể thâu hết mọi người; bởi vậy khi những tài tử điện ảnh nổi tiếng sống trong nhà cao cửa đẹp và luôn có hàng triệu người hâm mộ hay ‘tôn thờ’ thì những người hâm mộ đó gọi họ là những ‘thiên thần’!.

Rõ ràng là những cõi thấp xấu như Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, Quỷ Thần dị dạng là đầy đau khổ và hành hạ. Và những cõi Thiên thần và Trời trên tiên cảnh là đầy phúc lành và sung sướng.

-Tuy nhiên, Đức Phật nói rằng ở những cõi thấp xấu đó chúng sinh khó mà làm được một việc công đức nào để tích lũy Nghiệp tốt được. Những chúng sinh ở trong những cõi thấp xấu bị đọa đầy như vậy thì chỉ lo chịu đựng mọi đau khổ hành hạ, chứ không còn thời gian hay cơ hội làm chuyện phúc đức nào. (Khi đã bị ở trong cảnh giới Địa ngục hay Súc sinh thì có làm công đức cũng chẳng có điều gì để làm. Và tâm thức của chúng sinh đang bị ở trong cõi địa ngục và súc sinh cũng khó mà khởi sinh một trí tuệ căn bản nào để mà làm chuyện công đức. Thời gian bị ở trong những cõi đó thật là dài, không thể nghĩ bàn, vì khó mà tạo ra được nghiệp tốt nào để chuyển hóa tái sinh vào những cảnh giới tốt hơn).

-Trong khi đó, những chúng sinh ở những cõi bồng lai của Thiên thần và Trời thì chỉ lo hưởng thụ sung sướng, không còn bị đau khổ, cho nên họ cũng chẳng rảnh rang để suy tư hay nghĩ nhiều đến những việc công đức. Ở những cõi phúc lành sung sướng đó, những thiên thần cũng không nhìn thấy được những lẽ vô-thường và biến-đổi nhanh chóng như ở trong cõi Người,

-Như vậy, chỉ còn cõi Người là có đủ hai bản chất Khô và Sướng, là thích hợp để học tập và thực hành giáo pháp của Đức Phật. Hơn nữa, chỉ có ở cõi Người thì tất cả chúng sinh mới có cơ hội làm những hành động công-đức, làm những việc tốt, **làm người tốt!**, và nhờ đó tích lũy Nghiệp tốt. Những Nghiệp tốt sẽ là những hành trang cho những chuyến đi sau này sau khi từ giã cõi Người, và cũng nhờ vậy mới mong có ngày giải thoát hoàn toàn.

Tuy nhiên, Đức Phật có kể rằng có những chúng sinh là thiên thần ở những cõi Trời cũng cố gắng thực hành giáo pháp của Đức Phật và đã có thể chứng ngộ Niết-bàn. Vì vậy, Đức Phật đã cố gắng khuyên dạy mọi người hãy nỗ lực tu tập, làm những điều tốt lành để tích lũy Nghiệp tốt. Đó là cơ hội để được tái sinh về những cõi lành đáng quý đó!.

Cho dù những cảnh giới (gồm 31 cõi hiện hữu) có thực sự tồn tại trong vũ trụ hay không, hoặc đó chỉ là những trạng thái tâm của từng chúng sinh, thì vấn đề đó cũng không quan trọng. Điều quan trọng là chúng ta theo nguyên lý khoa học của Phật giáo: đó là sống tốt thì sẽ tạo Nghiệp tốt, và nhờ đó bạn có quyền hy vọng sẽ được tái sinh về những cõi phúc lành sau khi chết.

Mục đích trước sau của các Phật tử là phải được về cõi lành, tránh được những cõi thấp xấu đầy đau khổ và đọa đày kinh khủng như cảnh Địa ngục, Súc sinh, Ngạ quỷ...

Còn đối với mục tiêu tột-cùng là giải thoát khỏi vòng tái sinh luân hồi thì chỉ khi chúng ta được ở trong những cõi lành thì mới có thể tiếp tục làm việc tốt lành và thực hành Phật Pháp, thì mới mong có ngày đạt đến Niết-bàn: sự giải thoát hoàn toàn khỏi luân hồi sinh tử.

(18) Khi đạo Phật được truyền bá sang những nước phương Tây, rất nhiều người phương Tây đã theo Đạo Phật. Điều đó có đúng như vậy không?

Riêng ở Mỹ, con số người thực sự thực hành theo Phật giáo vẫn còn ít. Giáo sư Seymour Lachman, đồng tác giả của quyển sách nổi tiếng “*Một quốc Gia Bên Dưới Chúa*” (One Nation Under God) ước lượng khoảng 800.000 người là Phật tử ở Mỹ. Tuy nhiên, những nhà nghiên cứu Phật giáo thì cho rằng con số đó có thể là nhiều hơn 4-5 lần, nếu tính cả con số những người theo đạo Phật nhập cư liên tục từ những nước Đông Nam Á và Đông Á.

Số người theo đạo Phật ở châu Âu khoảng 4 triệu người, chủ yếu ở các nước Đức, Pháp, Anh, Ý.

Số người theo đạo Phật ở châu Úc cũng khá nhiều và tăng nhanh. Thống kê năm 2011 cho biết có khoảng 529.000 người Úc theo đạo Phật trong tổng dân số khoảng 21,5 triệu người, con số Phật tử tăng nhanh từ khoảng 2.1% dân số lên gần 2.5 % dân số trong năm năm cuối.

Có rất nhiều danh nhân rất nổi tiếng ở những nước Âu Mỹ đã theo đạo Phật, hoặc đã chuyển từ đạo của họ qua đạo Phật. Trong số đó có nhiều người nổi tiếng nhất trong lĩnh vực của mình trên thế giới mà bạn có thể đã dễ dàng biết đến từ lâu. Ví dụ như:

William Ford Jr.	Chủ hãng xe hơi Ford
Steve Jobs	Chủ tịch hãng máy tính Apple Inc
Tiger Woods	Nhà vô địch gôn thế giới
Richard Gere	Tài tử điện ảnh
Harrison Ford	Tài tử điện ảnh
Orlando Bloom	Tài tử điện ảnh
Keanu Reeves	Tài tử điện ảnh

Uma Thurman	Tài tử điện ảnh
Oliver Stone	Đạo diễn điện ảnh
Tina Turner	Ca sĩ nhạc Pop
Adam Yauch	Ca sĩ nhạc Pop
Herbie Hancock	Nhạc sĩ nhạc Jazz
Roberto Baggio	Cầu thủ bóng đá Ý
Phil Jackson	Cầu thủ bóng rổ NBA
Marshall Goldsmith	Cty Marshall Goldsmith Partners
.....	

Bạn cũng có thể đọc thêm một bài viết rất hay về bối cảnh Phật giáo ở Hollywood và Hoa Kỳ trên trang www.unbound.intrasun.tcnj.edu/archives/lifestyle/old/buddha với tựa đề “Những Ngôi Sao Là Phật Tử”.

(19) Bạn vẫn còn nhiều câu hỏi muốn được trả lời?

► Nếu bạn vẫn còn nhiều thắc mắc về ý nghĩa và giáo lý Phật giáo và việc thực hành đạo Phật, xin bạn hãy tìm đọc một quyển sách về vấn đề này theo từng đề mục rất hay có tên là “***Những Hỏi Đáp Hay***” (*Good Question, Good Answer*) của ngài S. Dhammika. Quyển sách này đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ và cũng có bản dịch ra tiếng Việt của cư sĩ Phạm Kim Khánh và TS. Bình Anson mang tên “***Phật Pháp Vấn Đáp***”.

Bạn có thể tham khảo thêm quyển “***Vấn Đáp về Phật giáo***” được biên soạn bởi cùng người viết, do cùng nhà xuất bản ấn hành 2012 cùng với quyển sách này.